

Số: /KH-UBND

Xuân Dương, ngày tháng 6 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện cải tạo, thâm canh, trồng mới cây chè trên địa bàn xã Xuân Dương năm 2026

#### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Xã Xuân Dương có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây chè với địa hình đồi núi thấp, đất có khả năng giữ ẩm tốt, khí hậu mát mẻ và lượng mưa tương đối cao, phù hợp cho chè sinh trưởng và tạo chất lượng đặc trưng. Những năm qua, người dân đã duy trì trồng chè tại một số thôn như Nà Vạng, Đồng Xuân, Chợ Chùa, Cốc Càng..., góp phần tạo việc làm, tận dụng đất đồi và nâng cao thu nhập.

Tuy nhiên, sản xuất chè hiện còn nhiều hạn chế như diện tích nhỏ lẻ, manh mún, giống chè không đồng nhất, nhiều diện tích già cỗi, năng suất và chất lượng thấp; việc áp dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm sinh học và quản lý sâu bệnh còn hạn chế; khâu thu hái, bảo quản, chế biến chưa được đầu tư nên giá trị gia tăng chưa cao.

Trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cây chè là loại cây có giá trị kinh tế, phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương, thời gian khai thác dài, chi phí chăm sóc phù hợp và thị trường tiêu thụ tương đối ổn định. Phát triển chè còn góp phần tăng độ che phủ đất, hạn chế xói mòn, bảo vệ nguồn nước và tạo cảnh quan xanh, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.

Xuân Dương cũng có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; các vùng chè tập trung nếu được quy hoạch, đầu tư sẽ tạo cảnh quan nông nghiệp đặc trưng và đa dạng hóa sản phẩm du lịch địa phương.

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển ngành chè giai đoạn 2025-2030 và Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển ngành chè; đồng thời nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, khí hậu và lao động, từng bước hình thành vùng nguyên liệu chè tập trung, nâng cao thu nhập, phát triển sản phẩm OCOP và xây dựng thương hiệu nông sản đặc trưng, UBND xã Xuân Dương xây dựng Kế hoạch cải tạo, thâm canh, trồng mới cây chè trên địa bàn xã năm 2026.

#### II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÂY CHÈ

##### 1. Hiện trạng

Hiện nay trên địa bàn xã Xuân Dương có **khoảng 8,5 ha**, phân bố chủ yếu tại các thôn Nà Vạng, Đồng Xuân, Chợ Chùa, Cốc Càng và một số khu vực sản xuất nhỏ lẻ khác. Diện tích chè hiện có chủ yếu được hình thành từ nhiều năm trước, do các hộ gia đình tự đầu tư trồng và chăm sóc.

Nhìn chung quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán, mỗi hộ chỉ có diện tích từ

vài trăm mét vuông đến một vài nghìn mét vuông, chưa hình thành được vùng nguyên liệu tập trung có quy mô đủ lớn để tổ chức sản xuất hàng hóa. Việc liên kết giữa các hộ sản xuất còn hạn chế, chưa có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã chuyên sản xuất chè hoạt động ổn định.

Một số diện tích chè đã bước vào giai đoạn già cỗi, sinh trưởng kém, mật độ cây không đồng đều, nhiều khoảng trống chưa được trồng dặm bổ sung. Giống chè sử dụng chưa thống nhất, chủ yếu là giống chè địa phương hoặc các giống được người dân tự nhân giống qua nhiều năm nên năng suất và chất lượng chưa cao.

## **2. Tình hình sản xuất, chăm sóc**

Trong những năm qua, người dân trên địa bàn xã đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất chè. Tuy nhiên việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Phần lớn các hộ vẫn sản xuất theo tập quán truyền thống, chưa áp dụng đầy đủ các quy trình kỹ thuật tiên tiến về quản lý dinh dưỡng, tạo tán, đốn chè, quản lý sâu bệnh hại và thu hái nguyên liệu.

Việc sử dụng phân bón cho chè chưa thực sự cân đối, tỷ lệ sử dụng phân hữu cơ còn thấp. Nhiều diện tích chưa được đầu tư cải tạo đất thường xuyên nên độ phì nhiêu đất có xu hướng suy giảm. Công tác quản lý dịch hại chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của người dân, chưa áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).

Khâu thu hái tại nhiều hộ chưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, việc thu hái chưa đồng đều, ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng nguyên liệu. Sau thu hoạch, sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ dưới dạng chè búp tươi hoặc chế biến thủ công quy mô hộ gia đình nên giá trị còn thấp.

## **3. Tình hình chế biến, tiêu thụ sản phẩm**

Hiện nay, trên địa bàn xã chưa có cơ sở chế biến tập trung; hoạt động chế biến chủ yếu tại các hộ gia đình với quy mô nhỏ, thiết bị đơn giản và năng lực chế biến còn hạn chế. Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ tại địa phương hoặc bán cho thương lái; việc xây dựng thương hiệu, bao bì, nhãn mác và phát triển sản phẩm OCOP chưa được các hộ gia đình quan tâm, chưa hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm, dẫn đến giá trị và sức cạnh tranh còn thấp.

## **4. Thuận lợi**

Xuân Dương có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tương đối phù hợp cho phát triển cây chè. Nhiều khu vực có độ cao, độ dốc và điều kiện sinh thái thuận lợi cho cây chè sinh trưởng và phát triển. Người dân có kinh nghiệm sản xuất chè từ nhiều năm nay, có ý thức giữ gìn và phát triển diện tích chè hiện có. Một số hộ đã bước đầu nhận thức được hiệu quả kinh tế của cây chè và có nhu cầu mở rộng diện tích sản xuất.

Địa phương còn quỹ đất đồi có khả năng phát triển cây chè, đặc biệt là các khu vực đất sản xuất hiệu quả thấp có thể chuyển đổi sang trồng chè khi đủ điều kiện.

Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành chè, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc huy động nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất.

Hệ thống giao thông nông thôn từng bước được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm.

## **5. Khó khăn**

Diện tích chè hiện có còn nhỏ lẻ, phân tán; quy mô sản xuất manh mún, chưa hình thành vùng nguyên liệu tập trung.

Một số diện tích chè đã già cỗi, năng suất thấp; giống chè chưa đồng đều; trình độ thâm canh còn hạn chế.

Nguồn lực đầu tư của người dân còn khó khăn; khả năng tiếp cận các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ chế biến còn hạn chế.

Chưa có doanh nghiệp hoặc cơ sở chế biến lớn tham gia liên kết sản xuất; thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

Chưa xây dựng được thương hiệu chè của địa phương; chưa có sản phẩm OCOP; chưa được cấp mã số vùng trồng và chưa áp dụng rộng rãi các hình thức truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Lực lượng lao động trẻ tham gia sản xuất nông nghiệp ngày càng giảm, trong khi cây chè là loại cây trồng đòi hỏi sự chăm sóc thường xuyên và liên tục.

## **III. MỤC TIÊU NĂM 2026**

### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển cây chè trở thành cây trồng có giá trị kinh tế của xã Xuân Dương, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, nâng cao thu nhập và phát triển nông nghiệp bền vững. Đẩy mạnh sản xuất chè theo hướng hàng hóa, ứng dụng khoa học kỹ thuật, sản xuất an toàn, thân thiện với môi trường; từng bước hình thành vùng nguyên liệu tập trung, xây dựng thương hiệu chè Xuân Dương, phát triển sản phẩm OCOP, truy xuất nguồn gốc và chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ. Đồng thời gắn phát triển cây chè với bảo vệ cảnh quan sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hóa và phát triển du lịch cộng đồng.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Rà soát, đánh giá toàn bộ diện tích chè hiện có trên địa bàn xã; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi và định hướng phát triển cây chè trong những năm tiếp theo.

Thực hiện cải tạo, thâm canh khoảng 3,0 ha chè hiện có tại thôn Nà Vạng nhằm phục hồi sinh trưởng, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trên các diện tích chè già cỗi, sinh trưởng kém hoặc chưa được đầu tư chăm sóc đúng mức.

Tổ chức gieo ươm, chuẩn bị đầy đủ cây giống phục vụ kế hoạch trồng mới khoảng 01 ha chè trong năm 2027, bảo đảm cây giống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương.

Phấn đấu nâng năng suất bình quân trên diện tích chè được cải tạo tăng từ 15% đến 20% so với trước khi thực hiện kế hoạch.

Tăng cường áp dụng các biện pháp thâm canh bền vững; nâng cao tỷ lệ sử dụng phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh và các chế phẩm sinh học trong sản xuất

chè; từng bước giảm phụ thuộc vào vật tư nông nghiệp hóa học.

Tổ chức ít nhất 01 lớp tập huấn kỹ thuật chuyên sâu về trồng, chăm sóc, đốn chè, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng phân hữu cơ, kỹ thuật thu hái, bảo quản và chế biến chè cho các hộ dân tham gia thực hiện kế hoạch.

Có từ 80% số hộ tham gia thực hiện kế hoạch được tiếp cận và áp dụng các nội dung kỹ thuật được tập huấn vào thực tế sản xuất.

Từng bước hình thành các khu vực sản xuất chè tập trung tại những nơi có điều kiện phù hợp; khuyến khích người dân liên kết sản xuất theo cùng quy trình kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng nguyên liệu và hiệu quả kinh tế.

#### **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

##### **1. Rà soát, lựa chọn diện tích thực hiện**

Tổ chức rà soát toàn bộ diện tích chè hiện có trên địa bàn xã; đánh giá hiện trạng sinh trưởng, năng suất, chất lượng, mức độ già cỗi của từng diện tích để xác định nhu cầu cải tạo, thâm canh.

Tiến hành khảo sát các khu vực có điều kiện phù hợp về đất đai, độ dốc, nguồn nước, giao thông và nhu cầu của người dân để định hướng phát triển vùng chè trong những năm tiếp theo.

Việc lựa chọn hộ tham gia thực hiện kế hoạch phải bảo đảm công khai, dân chủ, đúng đối tượng, ưu tiên các hộ có diện tích chè hiện có, có nhu cầu đầu tư phát triển sản xuất, có khả năng đối ứng công lao động và cam kết thực hiện đúng quy trình kỹ thuật.

Khuyến khích các hộ có diện tích liền vùng, liền khoảnh cùng tham gia thực hiện nhằm tạo điều kiện hình thành các khu vực sản xuất tập trung và thuận lợi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật.

##### **2. Cải tạo, thâm canh diện tích chè hiện có**

Thực hiện cải tạo, thâm canh khoảng 3,0 ha chè hiện có nhằm phục hồi sinh trưởng, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trên các diện tích chè già cỗi, sinh trưởng kém hoặc chưa được đầu tư chăm sóc đúng mức.

Nội dung cải tạo bao gồm:

Đốn trẻ hóa đối với diện tích chè già cỗi; Đốn tạo tán đối với diện tích chè sinh trưởng không đồng đều;

Trồng dặm bổ sung đối với các vị trí cây chết, cây sinh trưởng kém; Vệ sinh nương chè, phát dọn thực bì;

Bón phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh nhằm phục hồi độ phì nhiêu của đất; Cải tạo kết cấu đất và nâng cao khả năng giữ ẩm cho đất; Tăng cường che phủ đất bằng cỏ tự nhiên hoặc phụ phẩm nông nghiệp;

Hướng dẫn quản lý sâu bệnh hại theo nguyên tắc quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).

Thông qua hoạt động cải tạo, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng nguyên liệu, kéo dài thời gian khai thác và nâng cao hiệu quả kinh tế trên diện tích

chè hiện có.

### **3. Tập huấn kỹ thuật và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật**

Tổ chức ít nhất 01 lớp tập huấn kỹ thuật cho các hộ dân tham gia thực hiện kế hoạch và các hộ có nhu cầu phát triển cây chè trên địa bàn xã.

Nội dung tập huấn tập trung vào:

Kỹ thuật cải tạo và phục hồi chè già cỗi; Kỹ thuật trồng mới và chăm sóc chè thời kỳ kiến thiết cơ bản; Kỹ thuật đôn chè; quản lý dinh dưỡng và sử dụng phân hữu cơ; quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); kỹ thuật thu hái, bảo quản và chế biến chè; hướng dẫn ghi chép nhật ký sản xuất và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Ngoài hình thức tập huấn tập trung, tăng cường công tác hướng dẫn trực tiếp tại hiện trường nhằm giúp người dân áp dụng hiệu quả các tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất.

### **4. Xây dựng vùng chè sản xuất an toàn**

Từng bước xây dựng các khu vực sản xuất chè theo hướng an toàn tại những nơi có điều kiện thuận lợi và có nhiều hộ dân tham gia.

Hướng dẫn các hộ thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật từ khâu chăm sóc, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thu hái và bảo quản sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng nguyên liệu.

Khuyến khích sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm sinh học; hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học; tăng cường áp dụng các biện pháp sinh học và cơ học trong phòng trừ sâu bệnh hại.

Từng bước hình thành vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

### **5. Liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm**

Khuyến khích các hộ dân tham gia các hình thức liên kết sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Từng bước hình thành các nhóm hộ, tổ hợp tác sản xuất chè nhằm hỗ trợ nhau trong sản xuất, tiếp nhận khoa học kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường kết nối với các hợp tác xã, cơ sở chế biến, doanh nghiệp thu mua chè trong và ngoài địa phương để tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định.

Khuyến khích các hộ đầu tư đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm chè phục vụ nhu cầu của thị trường.

### **6. Xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc và phát triển sản phẩm OCOP**

Từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu về vùng chè của xã; cập nhật thông tin về diện tích, hộ sản xuất, sản lượng và tình hình sản xuất phục vụ công tác quản lý.

Hướng dẫn các hộ dân thực hiện ghi chép nhật ký sản xuất, quản lý vật tư đầu vào và thực hiện các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Tuyên truyền, vận động người dân xây dựng vùng nguyên liệu chè an toàn;

từng bước hoàn thiện các điều kiện cần thiết để đăng ký mã số vùng trồng theo quy định.

Trên cơ sở kết quả sản xuất và nhu cầu thị trường, nghiên cứu xây dựng sản phẩm chè đặc trưng của xã để tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), góp phần nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Công tác tuyên truyền, vận động**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa và hiệu quả kinh tế của cây chè trong phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về phát triển ngành chè; phổ biến các cơ chế hỗ trợ hiện hành để người dân nắm bắt, chủ động đăng ký tham gia thực hiện.

Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, trưởng thôn, người có uy tín trong cộng đồng trong công tác vận động người dân tham gia cải tạo, thâm canh và phát triển cây chè trên địa bàn.

Thông qua các cuộc họp thôn, sinh hoạt chi bộ, hội nghị Nhân dân và các phương tiện thông tin để tuyên truyền, giới thiệu các mô hình sản xuất chè hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận và hưởng ứng trong cộng đồng dân cư.

### **2. Quy hoạch và phát triển vùng sản xuất**

Trên cơ sở hiện trạng diện tích chè và quỹ đất hiện có, tổ chức rà soát, đánh giá các khu vực có điều kiện phù hợp để định hướng phát triển cây chè theo hướng tập trung, tránh phát triển tự phát, manh mún.

Ưu tiên phát triển cây chè tại những khu vực có điều kiện thuận lợi về đất đai, khí hậu, giao thông và có nhiều hộ dân cùng đăng ký tham gia nhằm từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, thuận lợi cho việc chuyên giao khoa học kỹ thuật và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Việc mở rộng diện tích chè phải bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhu cầu của người dân và khả năng đầu tư; không chạy theo chỉ tiêu diện tích, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo trong phát triển sản xuất.

### **3. Cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực**

Tăng cường lồng ghép các nguồn vốn từ chương trình khuyến nông, chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ phát triển cây chè.

Ưu tiên sử dụng nguồn lực hỗ trợ cho các nội dung có khả năng tạo động lực phát triển lâu dài như cải tạo diện tích chè hiện có, xây dựng nguồn giống, tập huấn kỹ thuật và phát triển vùng nguyên liệu.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia đầu tư liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè trên địa bàn.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong đầu tư phát triển sản xuất; khuyến khích các hộ chủ động đổi ứng công lao động, vật tư và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

#### **4. Khoa học kỹ thuật và khuyến nông**

Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất chè; ưu tiên sử dụng giống chè có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện sinh thái địa phương.

Tăng cường chuyên gia kỹ thuật cải tạo chè già cỗi, kỹ thuật trồng mới, đôn chè, quản lý dinh dưỡng, quản lý dịch hại tổng hợp và các biện pháp sản xuất chè an toàn.

Khuyến khích sử dụng phân hữu cơ, phân hữu cơ vi sinh, chế phẩm sinh học; từng bước giảm lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật hóa học nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trực tiếp tại hiện trường; lấy người dân làm trung tâm trong hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả.

#### **5. Tổ chức sản xuất và liên kết chuỗi giá trị**

Khuyến khích các hộ dân tham gia các hình thức liên kết sản xuất phù hợp; từng bước hình thành các nhóm hộ, tổ hợp tác sản xuất chè tại các khu vực có diện tích tập trung.

Tăng cường kết nối giữa người sản xuất với các hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ sở chế biến nhằm tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm.

Khuyến khích phát triển các hình thức liên kết từ sản xuất, thu mua, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; nâng cao khả năng cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm chè địa phương.

Từng bước xây dựng vùng nguyên liệu ổn định làm cơ sở để thu hút doanh nghiệp và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong tương lai.

#### **6. Xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm**

Từng bước xây dựng hình ảnh và thương hiệu chè Xuân Dương gắn với điều kiện sinh thái, chất lượng sản phẩm và bản sắc văn hóa địa phương.

Hướng dẫn người dân thực hiện ghi chép nhật ký sản xuất, quản lý vật tư đầu vào, áp dụng các biện pháp truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thị trường.

Xây dựng cơ sở dữ liệu vùng chè phục vụ công tác quản lý, định hướng phát triển sản xuất và hoàn thiện các điều kiện cần thiết để đăng ký mã số vùng trồng khi đủ điều kiện.

Từng bước nghiên cứu xây dựng sản phẩm chè đặc trưng của địa phương tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho người dân.

#### **7. Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả**

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch; kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Thực hiện đánh giá định kỳ kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nội dung của kế hoạch; làm rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để có giải pháp khắc phục phù hợp.

Biểu dương, nhân rộng các mô hình, hộ gia đình thực hiện tốt; đồng thời nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Lấy hiệu quả kinh tế, mức độ tham gia của người dân, khả năng mở rộng vùng nguyên liệu và tính bền vững của mô hình làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Tổng kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch cải tạo, thâm canh, trồng mới cây chè trên địa bàn xã Xuân Dương năm 2026 là: **308.665.000** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm linh tám triệu sáu trăm sáu mươi năm nghìn đồng*).

Trong đó:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 257.620.000 đồng.

Nhân dân đối ứng: 51.045.000 đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục dự toán kinh phí kèm theo).*

### **2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí**

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung được phê duyệt, công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

### **3. Nội dung sử dụng kinh phí**

Kinh phí thực hiện kế hoạch được sử dụng cho các nội dung chủ yếu sau:

Rà soát, lựa chọn hộ và diện tích tham gia thực hiện kế hoạch;

Hỗ trợ vật tư phục vụ cải tạo, thâm canh diện tích chè hiện có;

Hỗ trợ xây dựng nguồn giống phục vụ phát triển chè;

Tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật;

Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra, giám sát thực hiện;

Hỗ trợ các hoạt động liên quan đến xây dựng vùng sản xuất chè an toàn;

Hỗ trợ các hoạt động phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu vùng chè, truy xuất nguồn gốc và phát triển sản phẩm theo định hướng của địa phương;

Các nội dung khác theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **4. Quản lý và thanh quyết toán kinh phí**

Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện kế hoạch được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Các đơn vị, tổ chức và cá nhân được giao thực hiện có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán.

Việc nghiệm thu, thanh toán và quyết toán kinh phí được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành, kết quả kiểm tra, giám sát và các hồ sơ theo quy định hiện hành.

## **5. Huy động các nguồn lực tham gia thực hiện**

Ngoài nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp khác để đầu tư phát triển cây chè trên địa bàn.

Khuyến khích các hộ dân tăng cường đầu tư công lao động, vật tư, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo đảm tính bền vững của mô hình sau khi kết thúc hỗ trợ.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Kinh tế xã**

Chủ trì tham mưu xây dựng các văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch theo đúng mục tiêu, tiến độ đề ra.

Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện; tham mưu UBND xã kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Tham mưu lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả vùng chè trên địa bàn.

Phối hợp tham mưu các nội dung liên quan đến xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng và phát triển sản phẩm OCOP đối với sản phẩm chè khi đủ điều kiện.

### **2. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp**

Là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện các nội dung chuyên môn của Kế hoạch.

Chủ trì rà soát nhu cầu thực hiện; hướng dẫn lựa chọn hộ tham gia, diện tích thực hiện và xây dựng phương án triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật; hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp cải tạo, thâm canh, trồng mới chè; quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân bón hợp lý và các nội dung kỹ thuật liên quan.

Phối hợp với Phòng Kinh tế xã, các thôn và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

Tổng hợp hồ sơ, tài liệu, kết quả thực hiện; tham mưu báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

### **3. Các thôn trên địa bàn xã**

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch đến Nhân dân; vận động các hộ dân có đủ điều kiện tham gia thực hiện.

Phối hợp rà soát, tổng hợp nhu cầu đăng ký của các hộ dân; xác nhận hiện trạng diện tích và đối tượng tham gia thực hiện theo quy định.

Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã trong quá trình triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện tại cơ sở.

Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện về UBND xã để xem xét, giải quyết.

#### **4. Các hộ tham gia thực hiện Kế hoạch**

Chủ động đăng ký tham gia thực hiện trên tinh thần tự nguyện; cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Thực hiện đầy đủ phân bổ ứng theo quy định; bố trí công lao động, vật tư và các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện các nội dung được hỗ trợ.

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; thực hiện đúng quy trình sản xuất, chăm sóc, quản lý dịch hại và sử dụng vật tư nông nghiệp theo hướng dẫn.

Có trách nhiệm quản lý, chăm sóc và duy trì diện tích chè được hỗ trợ; sử dụng đúng mục đích các nguồn hỗ trợ của Nhà nước; không tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng diện tích tham gia Kế hoạch khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Tích cực tham gia các hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng vùng nguyên liệu và phát triển thương hiệu chè của địa phương.

#### **5. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội**

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch.

Lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình với các nội dung phát triển cây chè; góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn xã.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, thôn và các hộ tham gia kịp thời phản ánh về UBND xã Xuân Dương để xem xét, giải quyết.

##### ***Nơi nhận:***

- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (báo cáo);
- Ủy ban MTTQ và các hội, đoàn thể xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm DVTH xã;
- KBNN khu vực VII;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- LĐ Văn phòng;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Văn Đông**

**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN THÂM CANH CẢI TẠO, TRỒNG MỚI CÂY CHÈ**

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tổng kinh phí (đ)	Nhà nước (đ)	Dân đối ứng (đ)
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ giống, phân bón</b>				<b>280.775.000</b>	<b>229.730.000</b>	<b>51.045.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Cải tạo diện tích hiện có</b>	<b>Ha</b>	<b>3,0</b>		<b>110.625.000</b>	<b>110.625.000</b>	
-	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	10.500	9.500	99.750.000	99.750.000	
-	Phân bón lá sinh học	Lít	53	150.000	7.950.000	7.950.000	
-	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	3.000	1.000	3.000.000	3.000.000	
<b>1.2</b>	<b>Hỗ trợ giống, vật tư, phân bón năm 1 (Trồng mới)</b>	<b>Ha</b>	<b>1</b>		<b>170.150.000</b>	<b>119.105.000</b>	<b>51.045.000</b>
-	Cây trồng chính (22.000 cây/ha)	Cây	22.000	5.000	110.000.000	77.000.000	33.000.000
-	Cây trồng dặm (5% cây trồng chính)	Cây	1.100	5.000	5.500.000	3.850.000	1.650.000
-	Cây che bóng	Cây	200	12.000	2.400.000	1.680.000	720.000
-	Phân hữu cơ sinh học	Kg	5.500	9.500	52.250.000	36.575.000	15.675.000
<b>II</b>	<b>Kinh phí triển khai</b>				<b>13.890.000</b>	<b>13.890.000</b>	
<b>1</b>	<b>Tập huấn kỹ thuật</b>				<b>4.550.000</b>	<b>4.550.000</b>	
-	Công giảng viên	Buổi	1	1.200.000	1.200.000	1.200.000	
-	Phô tô tài liệu	Bộ	25	14.000	350.000	350.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn nông dân	Người	25	100.000	2.500.000	2.500.000	
-	Tiền nước uống	Người	25	20.000	500.000	500.000	
<b>2</b>	<b>Hội thảo tổng kết</b>				<b>4.848.000</b>	<b>4.848.000</b>	
-	Phô tô báo cáo	Bộ	32	14.000	448.000	448.000	
-	Hỗ trợ tiền ăn nông dân	Người	30	100.000	3.000.000	3.000.000	
-	Tiền nước uống	Người	30	20.000	600.000	600.000	
-	Biển cấm mô hình	Cái	1	800.000	800.000	800.000	
<b>3</b>	<b>Thực hiện gói thầu mua sắm vật tư</b>	<b>Lần</b>	<b>1</b>		<b>4.492.000</b>	<b>4.492.000</b>	
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý</b>				<b>14.000.000</b>	<b>14.000.000</b>	
	<b>Tổng kinh phí</b>				<b>308.665.000</b>	<b>257.620.000</b>	<b>51.045.000</b>